

XÂY DỰNG MÔ HÌNH BÀI HỌC TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ DÀNH CHO HỌC SINH NƯỚC NGOÀI

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

**Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: nhvann1965@gmail.com**

Tóm tắt: Xây dựng mô hình bài học tiếng Việt như một ngoại ngữ dành cho học sinh nước ngoài là một trong những yếu tố góp phần triển khai hiệu quả Chương trình dạy tiếng Việt cho học sinh Lào trong khuôn khổ Đề án Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực giáo dục, phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020. Bài viết giới thiệu chương trình Tiếng Việt cho học sinh Lào tại Lào, mô hình bài học tiếng Việt như một ngoại ngữ dành cho học sinh nước ngoài và phương pháp để phát huy tối đa hiệu quả của mô hình bài học này trong giảng dạy tiếng Việt cho học sinh như một ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp. Để thực hiện thành công và phát huy hiệu quả của mô hình này đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực của mỗi giáo viên trong vận dụng sáng tạo các phương pháp giảng dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong quá trình giảng dạy.

Từ khóa: Mô hình; bài học tiếng Việt; học sinh Lào; chương trình Tiếng Việt.

(Nhận bài ngày 05/9/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 15/9/2017; Duyệt đăng ngày 25/9/2017).

1. Đặt vấn đề

Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ chính thức được giảng dạy trong nhà trường ở tất cả các cấp học, đang được hơn 90 triệu người Việt sống trên đất nước Việt Nam và hơn 4 triệu người Việt hoặc gốc Việt ở nước ngoài sử dụng. Tại một số quốc gia như Mĩ, Australia, Lào, Hàn Quốc... tiếng Việt được coi là một trong số những ngôn ngữ của cộng đồng thiểu số được sử dụng nhiều nhất. Theo xu hướng phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, tiếng Việt đang trở thành một ngoại ngữ được nhiều người nước ngoài theo học.

Đề án Hỗ trợ việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài (2006) đã xây dựng và ban hành Chương trình (CT) dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài (CT dành cho thanh thiếu niên, CT dành cho người lớn) và hai bộ sách giáo khoa (SGK) *Tiếng Việt vui* và *Quê Việt*; đồng thời có một số CT và SGK Tiếng Việt cho người nước ngoài do các trường đại học, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biên soạn. Tuy nhiên, do đối tượng học sinh (HS) nước ngoài học tiếng Việt hết sức đa dạng nên việc vận dụng CT và SGK trong tổ chức dạy học (DH) ở từng quốc gia gặp nhiều khó khăn.

CT dạy tiếng Việt cho HS Lào tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được biên soạn trong khuôn khổ Đề án Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực giáo dục (GD) và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020, theo thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 22 tháng 4 năm 2011, nhằm thực hiện chủ trương của hai Đảng, hai Nhà nước, hai Chính phủ về tăng cường hợp tác song phương giữa Việt Nam và Lào trong lĩnh vực GD; giúp HS Lào, trước hết là HS Lào gốc Việt, sử dụng tiếng Việt

thành thạo để giao tiếp đời sống, giao lưu văn hóa và thiết lập quan hệ kinh tế, xã hội giữa hai nước. Việc xây dựng thành công mô hình bài học tiếng Việt (MHBHTV) như một ngoại ngữ dành cho người nước ngoài là yếu tố quyết định sự thành công của CT này.

2. Giới thiệu về chương trình dạy tiếng Việt cho học sinh Lào tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

CT được biên soạn cho đối tượng là HS đang học ở các trường phổ thông của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chọn học Tiếng Việt như ngoại ngữ thứ hai. Trong giai đoạn thực nghiệm, CT được biên soạn cho những HS Lào gốc Việt, HS Lào học tại các trường của cộng đồng người Việt và các trường do Việt Nam giúp xây dựng tại Lào.

CT được biên soạn nhằm hình thành và phát triển các kĩ năng (KN) giao tiếp bằng tiếng Việt cho HS, giúp các em tự tin trong giao tiếp và học tập. CT cung cấp một số kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Việt Nam cho HS Lào. Thông qua việc DH tiếng Việt, CT cũng giúp HS có hiểu biết về con người và văn hóa Việt Nam, có tình thân tương thân tương ái trong cộng đồng dân tộc, có tình cảm thân thiện với Việt Nam.

Để đạt được những mục tiêu trên, CT được xây dựng dựa trên các quan điểm đảm bảo tính khoa học, gắn kết chặt chẽ với thực tiễn giảng dạy ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng. Qua việc rèn luyện các KN nói, nghe, đọc, viết, trên cơ sở các kiến thức ngôn ngữ nhằm đạt được mục tiêu hình thành và phát triển năng lực (NL) giao tiếp bằng tiếng Việt cho HS. Theo đó, nội dung CT là sự phối hợp giữa hệ thống chủ đề, chủ điểm, hệ thống kiến thức tiếng Việt, văn hoá với các hành vi, nhiệm vụ giao tiếp. Mỗi chủ đề, chủ điểm học tập tạo



một môi trường giao tiếp để HS phát triển NL giao tiếp. Nội dung DH các chủ đề, chủ điểm được thiết kế theo nguyên tắc tích hợp, đồng tâm và phát triển, có tính thực tiễn, tính văn hóa. CT xác định HS là chủ thể của quá trình học tập. HS được tham gia tích cực vào các hoạt động nghe, nói, đọc, viết thông qua các bài tập phù hợp với những tình huống giao tiếp tự nhiên. Đồng thời, CT đảm bảo tính liên thông giữa cấp Tiểu học, Trung học cơ sở với Trung học phổ thông; các yêu cầu cần đạt sau khi học hết mỗi cấp học, dựa trên Khung NL tiếng Việt dùng cho HS nước ngoài. Đặc biệt, CT được thiết kế linh hoạt theo các trình độ để thích hợp với sự đa dạng về đối tượng và điều kiện học tập.

Nội dung DH của CT bao gồm: Hệ thống chủ đề, chủ điểm và NL giao tiếp thể hiện ở những hành vi, nhiệm vụ giao tiếp trên cơ sở kiến thức Tiếng Việt, văn hoá. CT được triển khai theo các chủ đề, mỗi chủ đề được cụ thể hoá thành các chủ điểm, liên quan đến mối quan hệ và môi trường giao tiếp của HS ở mỗi lớp học, cấp học; cung cấp các ngữ cảnh giao tiếp giúp HS sử dụng kiến thức ngôn ngữ để thực hành giao tiếp. Trong từng cấp học, hệ thống chủ đề được xác định theo hướng cung cấp các ngữ cảnh và môi trường giao tiếp mở rộng dần, phù hợp với các mối quan hệ giao tiếp của HS trong gia đình, nhà trường, xã hội. Định hướng xác định chủ đề trong từng cấp học thể hiện trong Bảng 1. Sau mỗi cấp học, HS đạt được các mức độ nói, nghe, đọc, viết theo những yêu cầu cụ thể. Yêu cầu cần đạt này được phân chia làm 3 bậc: Bậc A1 tương đương với cuối cấp Tiểu học, bậc A2 tương đương cuối cấp Trung học cơ sở, bậc B1 tương đương cuối cấp Trung học phổ thông.

Với nội dung và yêu cầu cần đạt như trên, hoạt động đánh giá (ĐG) sẽ tập trung vào xác nhận NL sử dụng tiếng Việt của HS ở từng trình độ thông qua 4 KN để giúp HS biết được mức độ NL của bản thân. Trong ĐG, cả hai hình thức ĐG thường xuyên và ĐG định kì, tổng kết đều được coi trọng. Với từng KN, các chuyên gia sẽ thiết kế những công cụ ĐG riêng. Kết quả trong ĐG thường xuyên hỗ trợ HS thay đổi cách học để nâng cao mức độ đạt được trong thời gian tiếp theo; hỗ trợ giáo viên (GV) biết được HS đã học tốt, học chưa tốt nội dung

nào để kịp thời điều chỉnh cách dạy nhằm hỗ trợ HS học tốt hơn. Kết quả trong ĐG định kì, tổng kết hỗ trợ HS biết NL của mình đang ở mức nào và làm thế nào để cải thiện kết quả, nâng cao NL; hỗ trợ GV và quản lý trường học biết cần phải có những thay đổi gì trong phương pháp DH, tổ chức việc học, cung ứng các tài liệu hoặc những dịch vụ GD như thế nào để nâng cao kết quả của HS trong giai đoạn tiếp theo.

Ở các trình độ A1.1, A1.2, CT đề cao quan điểm giao tiếp qua phương pháp DH truyền khẩu. Từ trình độ A1.3, A1.4, A1.5 và các trình độ sau đó, khi HS được rèn luyện đủ các KN nghe, nói, đọc, viết, vai trò của kênh hình có thể giảm so với các trình độ trước nhưng tình huống nào có thể sử dụng tranh ảnh, sơ đồ, biểu bảng... để giúp HS hiểu hơn nội dung học thì kênh hình vẫn cần được tận dụng tối đa. CT thực hiện quan điểm tích hợp theo cả chiều dọc và chiều ngang. Tích hợp theo chiều dọc là tích hợp ở một đơn vị kiến thức và KN mới với những kiến thức, KN đã học trước đó theo nguyên tắc đồng tâm, cụ thể là kiến thức và KN của bài học sau bao hàm kiến thức và KN của bài học trước nhưng cao hơn, sâu hơn. Tích hợp theo chiều ngang là tích hợp kiến thức tiếng Việt với các mảng kiến thức về văn hoá, lịch sử, địa lí, phong tục tập quán và con người Việt Nam theo nguyên tắc đồng quy. Hướng tích hợp này được thực hiện thông qua hệ thống chủ đề, chủ điểm học tập với trọng tâm là các bài hội thoại, bài đọc. Theo nguyên tắc tích hợp, các nhiệm vụ trang bị kiến thức và rèn luyện KN cũng gắn bó chặt chẽ với nhau. Do đối tượng tiếp nhận CT có trình độ tiếng Việt khác nhau nên CT được thiết kế mềm dẻo theo các trình độ để thích hợp với sự đa dạng về đối tượng và điều kiện học tập.

Thời lượng DH cần thiết cho mỗi trình độ: Khoảng 420 tiết cho bậc A1 (hết cấp Tiểu học), 350 tiết cho bậc A2 (hết cấp Trung học cơ sở), 250 tiết cho bậc B1 (hết cấp Trung học phổ thông). Trong giai đoạn thực nghiệm, mỗi lớp (12 lớp) học chính thức 68 tiết/1 năm học. Phân bổ thời lượng: 2 tiết/1 tuần; 34 tuần/1 năm. Tổng thời lượng thực hiện CT: 816 tiết/12 năm. Bên cạnh đó, tùy theo điều kiện cụ thể, các trường có thể bố trí thêm thời lượng trong kế hoạch DH mỗi lớp để đảm bảo thực hiện

Bảng 1: Hệ thống chủ đề, chủ điểm trong CT tiếng Việt cho người Lào

Chủ đề	Tôi và bạn bè	Tôi và gia đình	Tôi và trường học	Tôi và thế giới xung quanh
Tiểu học	Bản thân, bạn bè, sở thích, trò chơi, ngày sinh...	Các thành viên trong gia đình, đồ dùng, đồ chơi...	Trường, lớp, thầy cô, các hoạt động ở trường, môn học, thời khóa biểu...	Những con vật, loài cây, loài hoa, thời gian, thời tiết...
Trung học cơ sở	Làm quen, kết bạn, cùng nhau học tập, vui chơi, mừng sinh nhật...	Người mình yêu quý, những việc làm hàng ngày, món ăn...	Ngày khai trường, hoạt động học tập, thể thao...	Thiên nhiên, nông thôn, thành thị, lễ hội, giao thông, nghệ thuật...
Trung học phổ thông	Gặp bạn mới, bạn cũ, giao lưu, văn nghệ, dã ngoại, cùng làm việc....	Gia đình Việt Nam, người thân xa gia đình, những ngày kỉ niệm, chọn nghề nghiệp...	Cuộc sống ở trường, học ở thư viện, học thực địa, kỉ thi, kỉ niệm mái trường...	Phong tục, di sản, bảo vệ môi trường, thể thao, nghệ thuật, thủ đô hai nước Việt - Lào...

có hiệu quả CT.

Từ các chủ đề và chủ điểm, CT của mỗi lớp sẽ xác định những biểu hiện của NL giao tiếp, được cụ thể hoá thành các hành vi, nhiệm vụ giao tiếp dựa trên những kiến thức về tiếng Việt và văn hóa như một gợi ý về khung nội dung DH cốt lõi, giúp các tác giả biên soạn SGK và GV có thể chủ động, linh hoạt trong việc triển khai các nội dung DH từng lớp. CT là sản phẩm của một đề án hợp tác nhưng có thể là CT được sử dụng cho HS nước ngoài học tiếng Việt.

3. Mô hình bài học tiếng Việt như một ngoại ngữ dành cho học sinh nước ngoài - nghiên cứu sách giáo khoa Tiếng Việt cho học sinh Lào cấp Trung học phổ thông

Bộ SGK Tiếng Việt cấp Trung học phổ thông gồm SGK, sách SV, sách bài tập của 3 lớp (10,11, 12). Mỗi cuốn SGK Tiếng Việt cho HS Lào cấp Trung học phổ thông gồm 17 bài học, mỗi bài 4 tiết, sau 3 bài học có bài ôn tập, bài cuối cùng là bài ôn tập và kiểm tra. Những nhân vật chính tham gia vào các ngữ cảnh giao tiếp gồm các nhân vật người Lào (Nitmina, Vammy, Thiphon, Suthep) và Việt Nam (An, Cường, Liên, Trung, cô giáo Hằng) sinh sống tại Lào. Hệ thống nhân vật này sẽ xuyên suốt và phát triển trong các cuốn sách Tiếng Việt 10, 11, 12. Theo đó, cuốn sách được coi như những câu chuyện nhỏ về cuộc sống và việc học tập của các bạn HS trong giai đoạn học Trung học phổ thông.

Mô hình bài học của SGK được thể hiện theo cấu trúc chung, thống nhất từ các lớp Tiểu học và Trung học cơ sở. Bên cạnh đó, có những nét riêng ở một số nội dung phù hợp với đối tượng HS ở cấp học này. Mô hình bài học được thể hiện ở Hình 1.

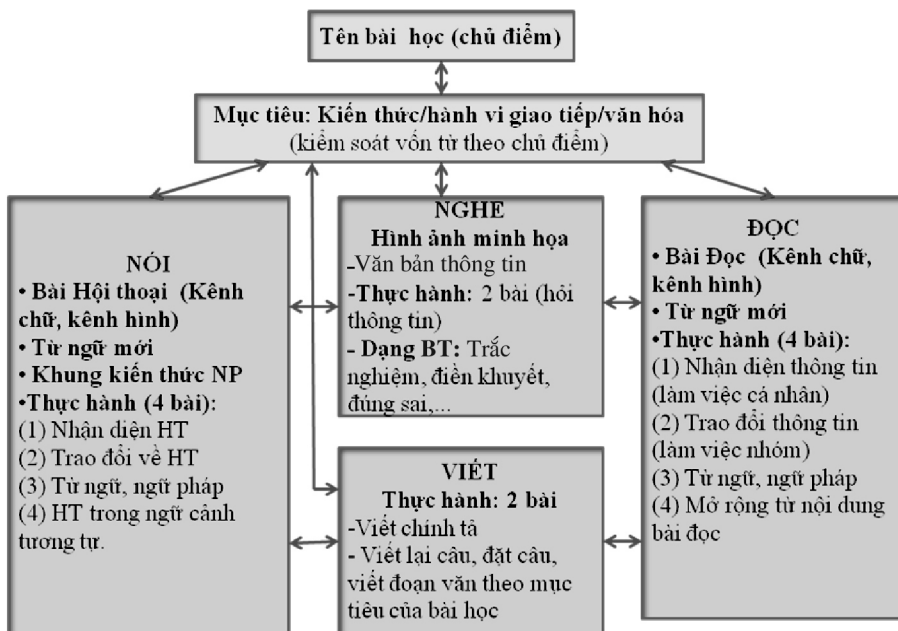
Nhìn vào mô hình trên, chúng ta có thể thấy tên của

bài học chính là tên chủ điểm. Mỗi bài phải đảm bảo 3 mục tiêu: Kiến thức, hành vi giao tiếp và văn hóa. Trong đó, mục tiêu về kiến thức phải đảm bảo cung cấp cho HS các kiến thức về từ ngữ mới (theo chủ điểm), ngữ pháp, cách dùng các từ, cụm từ thông dụng trong tiếng Việt. Mục tiêu về hành vi giao tiếp phải đảm bảo cung cấp cho HS NL và hành vi giao tiếp phù hợp với chủ điểm của bài học. Mục tiêu về văn hóa nhằm cung cấp cho HS những hiểu biết về văn hóa của hai dân tộc Việt - Lào. Mỗi bài học bao gồm 4 nội dung: Nói, nghe, đọc, viết. Toàn bộ nội dung của bài học gắn liền và thực hiện được các mục tiêu trên.

Nội dung **Nói** cung cấp một số từ ngữ, mẫu giao tiếp thông qua bài hội thoại và các hoạt động thực hành, giúp HS làm quen với các ngữ cảnh giao tiếp tự nhiên, gắn với chủ điểm. Để đáp ứng mục tiêu trên, bài *Hội thoại* xây dựng một ngữ cảnh giao tiếp có liên quan đến chủ điểm nêu trong tên của bài học. Nhân vật tham gia vào hội thoại và tình huống hội thoại cần gắn gũi, quen thuộc với HS theo lứa tuổi. Mỗi hội thoại sẽ cung cấp cho HS một số từ ngữ mới theo chủ đề. Các hiện tượng ngữ pháp cũng xuất hiện ở hội thoại (nhắc lại ở các phần luyện tập tiếp theo). Kênh hình không chỉ dùng để minh họa cho kênh chữ mà cũng là một nội dung học tập, cung cấp cho HS những hiểu biết sinh động về văn hóa, lịch sử, địa lí, ý nghĩa của những hoạt động được trình bày ở kênh chữ. Đồng thời, HS phải vận dụng các KN và kinh nghiệm thực tế để gắn kết kênh hình với kênh chữ. Bảng từ ngữ và khung kiến thức xuất hiện ngay sau bài hội thoại để giúp HS nắm được nội dung bài. Sau khi cho HS đọc bài hội thoại, GV sẽ hướng dẫn HS tìm hiểu về từ ngữ mới và giải thích các hiện tượng ngữ pháp có trong bài. Sau khi luyện đọc (đóng vai) theo nội dung bài

hội thoại, HS sẽ có các bài thực hành. Hệ thống bài thực hành được sắp xếp theo một dụng ý: Bài thực hành (1) giúp HS nhận diện những nội dung chính của bài; bài thực hành (2) mở rộng hoặc đi sâu (thảo luận nhóm) vào một nội dung được nêu ra ở bài; bài thực hành (3) nhằm rèn luyện kiến thức ngữ pháp; bài thực hành (4) mở rộng theo ngữ cảnh tương tự. Mục đích cao nhất là giúp HS có thể giao tiếp trong ngữ cảnh tương tự của hội thoại sau khi hoàn thành nội dung nói.

Nội dung **Nghe** cung cấp các bài nghe, rèn luyện khả năng nắm bắt thông tin và thực hành giao tiếp.



Hình 1: MHBHTV như một ngoại ngữ



Bài nghe có thể là một văn bản thông tin, một bài hội thoại, một bài thơ hay lời bài hát... Tuy nhiên, ngôn ngữ cần dễ hiểu, không có từ mới, dung lượng khoảng 150-200 chữ. Nội dung bài nghe cung cấp thêm cho HS một số hiểu biết về chủ điểm, có thể nhắc lại hiện tượng ngữ pháp hoặc không. Các bài thực hành sau bài nghe cần tập trung vào việc giúp HS rèn luyện khả năng nắm bắt các thông tin trong bài; hình thức thường là trắc nghiệm nhiều lựa chọn, điền khuyết, ghép nối, đúng - sai.

Nội dung **Đọc** giúp HS có thêm hiểu biết về những nội dung liên quan đến chủ điểm, gắn với văn hóa, lịch sử, địa lí, đất nước và con người của hai dân tộc Việt Nam và Lào, bổ sung thêm vốn từ ngữ và ngữ pháp tiếng Việt qua bài đọc. Để đáp ứng mục tiêu trên, bài đọc cung cấp một văn bản ngắn có nội dung phù hợp với chủ điểm, dễ hiểu, gắn gũi với nhận thức của HS. Các hiện tượng ngữ pháp cần xuất hiện ở bài đọc. Kênh hình cần hỗ trợ tốt cho kênh chữ. Sau khi luyện đọc (đóng vai) theo nội dung bài hội thoại, HS sẽ có các bài thực hành. Hệ thống bài thực hành được sắp xếp theo một dụng ý: Bài thực hành (1) giúp HS nhận diện những nội dung chính của bài; bài thực hành (2) mở rộng hoặc đi sâu (thảo luận nhóm) vào một nội dung được nêu ra ở bài; bài thực hành (3) nhằm rèn luyện kiến thức ngữ pháp; bài thực hành (4) mở rộng theo ngữ cảnh tương tự.

Hoạt động **Viết** nhằm tăng cường khả năng sử dụng tiếng Việt trong tạo lập câu, đoạn văn, bài văn của HS. Theo đó, các bài tập được thiết kế yêu cầu HS viết lại câu, sắp xếp lại câu, đặt câu, viết đoạn văn theo mục tiêu của bài đọc. Do đặc trưng của hoạt động này nên HS chủ yếu rèn luyện khả năng viết. Trong quá trình DH, GV có thể cho HS trao đổi kết quả các bài thực hành để tăng cường sự tương tác và kiểm tra lại đáp án cho mỗi bài thực hành.

4. Giảng dạy hiệu quả mô hình bài học tiếng Việt như một ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp

Để giảng dạy hiệu quả MHBHTV như một ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp, GV cần có phương pháp sử dụng SGK và giảng dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp thành thạo.

Trước hết, việc phát huy tính tích cực, chủ động của mỗi HS theo quan điểm lấy người học làm trung tâm là một trong những phương pháp để phát huy hiệu quả của mô hình bài học này. Theo đó, việc giới thiệu với HS về nội dung, phương pháp sử dụng SGK và sách bài tập là cần thiết. Tùy theo điều kiện cụ thể, GV nên thu thập phản hồi của HS theo từng bài học, giai đoạn hoặc học kì để điều chỉnh phương pháp giảng dạy hiệu quả.

Tiếp theo, kết hợp nhuần nhuyễn và linh hoạt các tài liệu, phương tiện giảng dạy sẽ mang lại hiệu quả cao. Mỗi bộ sách của từng lớp đều có 3 cuốn: SGK, sách GV, sách bài tập. Trong đó, sách GV là tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức tổ chức DH của GV cho từng hoạt động, có đưa ra hướng dẫn giải các bài tập. Sách bài tập là các bài tập mới, bổ sung. Tổng số bài của sách bài tập là 8 bài, trong đó có 3 bài nói, 1 bài nghe, 3 bài đọc và 1 bài viết,

hạn chế sự xuất hiện của từ ngữ và ngữ pháp mới. Trong khi giảng dạy, GV cần sử dụng kết hợp hài hòa 3 cuốn sách của mỗi bộ sách để đạt được hiệu quả cao nhất, nhằm tạo ra tính linh hoạt trong quá trình triển khai bài dạy. Sách bài tập là một trong những tài liệu có thể làm mềm quá trình giảng dạy. GV có thể lựa chọn, tăng hoặc giảm số lượng bài tập tùy theo điều kiện cụ thể.

Để có một tiết dạy hiệu quả, GV cần có sự chuẩn bị chu đáo, nhất là việc soạn giáo án. Hệ thống bài tập thực hành được thiết kế theo quan điểm giao tiếp và có tính "mở" cao. Tính "mở" này được thể hiện ở việc xây dựng các câu hỏi có đáp án mở nhằm khuyến khích sự sáng tạo của HS và những tình huống giao tiếp phong phú, đa dạng, gắn với thực tiễn cuộc sống giúp HS trải nghiệm. Ví thể, soạn được bộ giáo án "mở" là một trong những yếu tố quyết định thành công của GV trong quá trình giảng dạy. Trong giáo án, GV cần phải dự kiến được các tình huống giao tiếp phát sinh trong thực tiễn với mỗi bài tập thực hành, đồng thời khuyến khích HS tương tác tối đa.

Trong quá trình giảng dạy, GV nên sử dụng đa dạng các phương pháp nhằm giúp HS phát huy tối đa NL và mức độ tương tác với nhau. Việc chú ý cho HS giao tiếp, trải nghiệm trong không khí văn hóa giao tiếp thực tiễn để phát triển các KN, điều chỉnh giao tiếp trong thực hành. Qua đó, GV khéo léo tạo môi trường, nhu cầu, nội dung, phương tiện và thao tác giao tiếp trong mỗi bài thực hành. Điều quan trọng là GV phải tạo cơ hội để HS có thể thực hành thành thạo trong ngữ cảnh giao tiếp tương tự. Đây chính là mục đích cao nhất cần đạt đến của hoạt động nói. GV nên có những phương pháp để tạo cơ hội cho HS tự ĐG, tự nhận xét để có thể giao tiếp thành thạo hơn trong mỗi bài thực hành.

5. Kết luận

Với mong muốn giữ gìn, phát huy, giới thiệu và giảng dạy thành công tiếng Việt đến bạn bè quốc tế, chúng tôi xây dựng MHBHTV như một ngoại ngữ dành cho HS nước ngoài trong CT Việt - Lào. Cùng với một số điều chỉnh thích hợp, CT này có thể dùng để biên soạn tài liệu DH tiếng Việt cho người nước ngoài ở tuổi trưởng thành. Để thực hiện thành công và phát huy hiệu quả mô hình này đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực của mỗi GV để vận dụng sáng tạo các phương pháp giảng dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, phát huy tính tích cực, chủ động của HS trong quá trình giảng dạy. Đồng thời, quá trình này đòi hỏi sự tìm tòi, thu thập phản hồi của GV và HS để điều chỉnh, hoàn thiện CT đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, giao tiếp của các nhóm tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2015), *Chương trình dạy tiếng Việt cho học sinh Lào tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tại Lào - Đề án Biên soạn chương trình dạy tiếng Việt và bộ sách giáo khoa tiếng Việt (thực nghiệm) từ lớp 1 đến lớp 12 cho học sinh Lào tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân*

Lào, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2006), *Chương trình dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài (chương trình dành cho người lớn)*- Đề án Hỗ trợ việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2006), *Chương trình dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài (chương trình dành cho thanh, thiếu niên)*- Đề án Hỗ trợ việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, Hà Nội.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), *Thông tư số*

17/2015/TT-BGDĐT về việc Ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

[5]. Mai Ngọc Chừ (chủ biên), *Quê Việt*, Quyển 1 - 6, NXB Thế giới.

[6]. Bùi Mạnh Hùng, (2015), *Xây dựng chương trình môn Tiếng Việt như ngoại ngữ 2 cho học sinh nước ngoài tại Việt Nam (chuẩn đầu ra mức A1 khung tham chiếu châu Âu)*, Báo cáo Đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ B2014.19.12NV.

[7]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), *Tiếng Việt vui*, Quyển 1 - 6, NXB Thế giới.

DEVELOPING VIETNAMESE LESSONS AS A FOREIGN LANGUAGE FOR FOREIGN STUDENTS

NGUYEN THI HONG VAN

The Vietnam Institute of Educational Sciences

Email: nhvann1965@gmail.com

Abstract: *Developing Vietnamese lessons as a foreign language for foreign students is a factor contributing to the effective implementation of Vietnamese language teaching program for Laos students in framework of Project: Improving Quality and Effectiveness of Vietnam-Laos cooperation in education and human resources development in the period of 2011 - 2020. The article introduces the Vietnamese language program for Laos students in Laos, model of Vietnamese lessons as a foreign language for foreign students and methods to maximize the effectiveness of this model in teaching Vietnamese as a foreign language towards communicative approach. To get successful and effective implementation of this model, each teacher needs to effort and creatively apply Vietnamese teaching methods towards communicative approach, promote student's pro-activeness in teaching process.*

Keywords: *Model; Vietnamese lessons; Laos students; Vietnamese program.*